TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2019/HS-ST
Ngày: 26-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Doãn Đức – Cán bộ hưu trí

Bà Nguyễn Thị Nhạn – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 184/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2019/QĐXXST-HS ngày 11/6/2019 đối với bị cáo:

Hà Ngọc D, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09 tháng 6 năm 1992, tại: Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú: Ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Hà Văn C, sinh năm 1952 (còn sống) và bà Lê Kim X, sinh năm 1952 (còn sống); Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con út; Bị cáo có vợ tên Thị L, sinh năm 1993 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 15/11/2018, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 91 ngày 09/11/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. Bị cáo có mặt.

*** <u>Người bào chữa cho bị cáo D</u>:** Ông Nguyễn Phước L – Luật sư của Văn phòng Luật sư N – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt.

*** <u>Bị hại</u>:** 1/ Chị Lưu Thúy L, sinh năm 1980.

Trú tại: Phòng A20902, Chung cư S, đường D, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2/ Chị Đặng Thị Hồng G, sinh năm 1983.

Trú tại: 67/4 D2, khu 2, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt

*** <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>:**

1/ Anh L Minh T, sinh năm 1988.

Trú tại: Số 16, tổ 24, ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2/ Anh Vũ Văn D, sinh năm 1991.

Trú tại: 202/17/7, khu phố 4A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Ngọc D là người làm nghề giới thiệu mua bán đất. Vào tháng 4 năm 2018, D giới thiệu bán thửa đất số 355, tờ bản đồ số 69 xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai của anh Lê Thế O cho anh Nguyễn Duy K bằng hình thức Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 08 tháng 5 năm 2018. Sau khi mua thửa đất trên, anh K nhờ D bán lại cho người khác nên D đã giới thiệu bán thửa đất trên cho anh Vũ Văn D. Việc mua bán thửa đất trên giữa anh K và anh D có làm Hợp đồng nhận cọc vào ngày 24 tháng 4 năm 2018 do D ký là người làm chứng, sau đó đã hoàn tất Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được công chứng ngày 12 tháng 5 năm 2018 tại Văn phòng Công chứng B.

Đồng thời, trong khoảng thời gian trên, qua sự giới thiệu của anh Lê Minh T (là người cũng làm nghề giới thiệu mua bán đất), D biết chị Lưu Thúy L và chị Đặng Thị Hồng G đang có nhu cầu mua đất. Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại khu vực quán cà phê thuộc xã T, D đã gặp trực tiếp chị L và chị G. Quá trình tiếp xúc biết được chị L và chị G không am hiểu về giấy tờ đất nên D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị L và chị G. Thực hiện ý định trên, mặc dù anh D không nhờ D bán đất nhưng D vẫn giới thiệu bán thửa đất trên cho chị L và chị G, D thời sử dụng hình ảnh Hợp D nhận cọc khi anh O bán thửa đất trên cho anh K trước đó và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 355 (được D chụp lại lưu trong điện thoại) để nói dối với chị L và chị G rằng thửa đất trên là của D đã đặt cọc mua, giờ bán lại. Tưởng thật nên chị L và chị G đã đồng ý mua thửa đất 355 với giá 1.650.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó, vào ngày 11 tháng 5 năm 2018, chị G và chị L đã góp tiền và đặt cọc cho D số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), đồng thời khi làm hợp đồng đặt cọc, để tránh bị phát hiện, D đã cố ý ghi sai thông tin bên bán là "Đông", số chứng minh nhân dân "272457501", ngày cấp "26/8/2012" và địa chỉ là "T, B, Đồng Nai". Sau khi lấy được số tiền trên, D đã đưa cho anh T tổng số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) bao gồm tiền kê chênh lệch giá và tiền phí giới thiệu mua bán, còn lại số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) D tiêu xài hết.

Sau đó, đến ngày 02 tháng 6 năm 2018, D tiếp tục nói dối chị L là mẹ ruột của D bị mổ tim, cần tiền gấp nên đề nghị chị L đưa thêm cho D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Chị L tưởng thật nên cùng ngày, tại khu vực Công viên Biên Hùng thuộc phường Trung Dũng, thành phố B, chị L

đã đưa thêm cho D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). D hẹn vào ngày 08 tháng 6 năm 2018 sẽ làm thủ tục mua bán nhưng đến ngày hẹn chị L liên lạc với D thì không liên lạc được. Do nghi ngờ, chị L đi tìm hiểu và biết được thửa đất trên không phải của D. Ngày 14 tháng 6 năm 2018, chị L đã làm đơn tố cáo hành vi nêu trên của D. Sau đó, D đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, bị bắt tạm giam để điều tra, xử lý.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng mô tả. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 giấy Hợp đồng nhận cọc thể hiện bên chuyển nhượng là "Hà Ngọc Đông" và bên nhận chuyển nhượng là "Nguyễn Duy K", đề ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại mục người làm chứng có chữ ký và chữ viết ghi "Người nhận tiền Lê Thế O" và chữ số "273375901", do chị L cung cấp (bản in màu);

- 01 giấy Hợp đồng nhận cọc thể hiện bên chuyển nhượng là "Hà Ngọc Đông" và bên nhận chuyển nhượng là "Nguyễn Duy K", đề ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại mục ghi chú có nội dung ghi "Đã nhận đủ 1.300.000.000 đồng", do chị L cung cấp (bản chính);

- 01 giấy Hợp đồng nhận cọc thể hiện bên chuyển nhượng là "Nguyễn Duy K" và bên nhận chuyển nhượng là "Vũ Văn D", đề ngày 24 tháng 4 năm 2018, do anh Vũ Văn D cung cấp (bản giấy than);

- 02 giấy Hợp đồng đặt cọc thể hiện bên bán là "Hà Ngọc Đông" và bên mua là "Đặng Thị Hồng G", đề ngày 11 tháng 5 năm 2018, do chị L cung cấp (01 bản chính và 01 bản giấy than);

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 355 tờ bản đồ số 69 xã T, thành phố B, tỉnh D Nai, số BK445808, do chị L cung cấp (bản photo);

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 355 tờ bản đồ số 69 xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, số CO171368, đề tên chủ sở hữu là Vũ Văn D, cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018, do chị L cung cấp (bản photo);

- 01 bản photo gồm 09 trang có nội dung tin nhắn từ số điện thoại 0941548604 gửi đến máy điện thoại của chị L, do chị L cung cấp;

- Số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), do anh Lê Minh T giao nộp, để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị G và chị L;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3Lite có gắn sim số 0941548604 và 01642204722 của bị cáo D, là điện thoại bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Sau khi sử dụng, bị cáo đã làm mất, không xác định được địa điểm cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về dân sự: Bị hại chị Lưu Thúy L và chị Đặng Thị Hồng G yêu cầu bị cáo D phải bồi thường số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng). Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 200/CT-VKSBH ngày 18/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Hà Ngọc D về tội "Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản", theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo D mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù giam.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình, đi làm kiếm tiền bồi thường cho bị hại.

Ông Nguyễn Phước L bào chữa cho bị cáo D trình bày lời bào chữa: Thống nhất nội dung cáo trạng truy tố về tội danh và về khung hình phạt. Tuy nhiên, về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đưa ra quá nghiêm khắc, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, cha ruột của bị cáo là thương binh hạng ¾, hiện bị cáo đang là người trực tiếp chu cấp tiền để nuôi con nhỏ sinh năm 2012. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo mức án đầu khung là 07 năm tù giam cũng đã đủ để giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Ngọc D đã khai nhận: Bị cáo D là người làm nghề giới thiệu mua bán đất. Để có tiền tiêu xài, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị Lưu Thúy L và chị Đặng Thị Hồng G. Vì vậy, bị cáo đã nói dối với chị L và chị G rằng thửa đất 355, tờ bản đồ số 69 tọa lạc tại xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là của bị cáo đặt cọc mua trước đó, giờ bán lại. Tưởng thật nên chị L và chị G đặt cọc cho bị cáo D số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đến ngày 02 tháng 6 năm 2018, bị cáo D tiếp tục nói dối chị L là mẹ ruột của bị cáo bị mổ tim, cần tiền gấp nên đề nghị chị L đưa thêm cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Chị L tưởng thật nên cùng ngày, chị L đã đưa thêm cho bị cáo D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Qua tìm hiểu, chị L biết được thửa đất trên không phải của bị cáo nên đã làm đơn tố cáo hành vi nêu trên của bị

cáo D. Sau đó, D đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, bị bắt tạm giam để điều tra, xử lý.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 200/CT-VKSBH ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nhưng không chịu tìm việc làm mà lại đi vào con đường phạm tội để có tiền tiêu xài . Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có cha ruột là thương binh hạng ¾, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Lưu Thúy L và chị Đặng Thị Hồng G yêu cầu bị cáo D phải bồi thường số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo D D ý bồi thường cho chị Lưu Thúy L và chị Đặng Thị Hồng G số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) nên ghi nhận. Về hình phạt, bị hại là chị Lưu Thúy L và Đặng Thị Hồng G đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo D mức án theo quy định pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 giấy Hợp đồng nhận cọc thể hiện bên chuyển nhượng là "Hà Ngọc Đông" và bên nhận chuyển nhượng là "Nguyễn Duy K", đề ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại mục người làm chứng có chữ ký và chữ viết ghi "Người nhận tiền Lê Thế O" và chữ số "273375901", do chị L cung cấp (bản in màu); 01 giấy Hợp đồng nhận cọc thể hiện bên chuyển nhượng là "Hà Ngọc Đông" và bên nhận chuyển nhượng là "Nguyễn Duy K", đề ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại mục ghi chú có nội dung ghi "Đã nhận đủ 1.300.000.000", do chị L cung cấp (bản chính); 01 giấy Hợp đồng nhận cọc

thể hiện bên chuyển nhượng là "Nguyễn Duy K" và bên nhận chuyển nhượng là "Vũ Văn D", đề ngày 24 tháng 4 năm 2018, do anh Vũ Văn D cung cấp (bản giấy than); 02 giấy Hợp đồng đặt cọc thể hiện bên bán là "Hà Ngọc Đông" và bên mua là "Đặng Thị Hồng G", đề ngày 11 tháng 5 năm 2018, do chị L cung cấp (01 bản chính và 01 bản giấy than); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 355 tờ bản đồ số 69 xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, số BK445808, do chị L cung cấp (bản photo); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 355 tờ bản đồ số 69 xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, số CO171368, đề tên chủ sở hữu là Vũ Văn D, cấp ngày 23 tháng 5 năm 2018, do chị L cung cấp (bản photo); 01 bản photo gồm 09 trang có nội dung tin nhắn từ số điện thoại 0941548604 gửi đến máy điện thoại của chị L, do chị L cung cấp không phải là vật chứng mà là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ.

- Số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), do anh Lê Minh T giao nộp, để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị G và chị L là phù hợp;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3Lite có gắn sim số 0941548604 và 01642204722 của bị cáo D, là điện thoại bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Sau khi sử dụng, bị cáo đã làm mất, không xác định được địa điểm cụ thể, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với Lê Minh T đã được hưởng số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) từ hành vi phạm tội của bị cáo D. Tuy nhiên, khi giới thiệu chị L và chị G giao dịch mua bán đất với bị cáo D, anh T không biết được ý định và hành vi phạm tội của bị cáo D nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với các anh Lê Thế O, Nguyễn Duy K và Vũ Văn D, không biết gì về hành vi phạm tội của bị cáo D nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Lời trình bày của người bào chữa chỉ phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên chỉ chấp nhận một phần.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 11.750.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Hà Ngọc D** phạm tội **"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"**.

Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Hà Ngọc D: **07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù giam**. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/11/2018.

Áp dụng khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Hà Ngọc D phải bồi thường cho cho chị Lưu Thúy L và chị Đặng Thị Hồng G số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 11.750.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Minh T có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn D vắng mặt được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh D Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai(1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự(3);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hoàng Phương